

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

v/v kiểm tra học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 môn Tiếng Pháp, môn Toán
bằng tiếng Pháp chương trình song ngữ tiếng Pháp
và điều chỉnh lịch kiểm tra HK 2

1. Đối tượng:

Học sinh lớp 12P1 và 12P2 năm học 2022 - 2023 của trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.

2. Lịch kiểm tra môn tiếng Pháp và Toán Pháp

Ngày kiểm tra	Buổi	Môn kiểm tra	Thời lượng	Thời gian bắt đầu kiểm tra	Giờ học sinh có mặt
Thứ 5 Ngày 27/4/2023	Sáng	Tiếng Pháp (bài kiểm tra viết)	150 phút	08g00	07g30
	Chiều	Toán bằng tiếng Pháp	120 phút	14g00	13g30
Thứ 6 Ngày 28/4/2023	Sáng	Tiếng Pháp (bài kiểm tra nói)	15 phút	Theo từng ca thi	
	Chiều				

3. Địa điểm: Hội trường A trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.

4. Lưu ý:

- Học sinh đi thi đúng lịch, có mặt đúng giờ.

Thứ 6 ngày 28/4/2023: Học sinh có mặt tại phòng HT A theo ca như danh sách đính kèm, với giờ có mặt của các ca như sau:

Buổi sáng: Ca 1: 07g30; Ca 2: 09g00

Buổi chiều: Ca 1: 13g00; Ca 2: 14g00.

- Khi đi thi học sinh mặc đồng phục Minh Khai.

5. Điều chỉnh lịch kiểm tra ngày 27/4, 28/4:

Do lịch kiểm tra môn Tiếng Pháp và môn Toán bằng tiếng Pháp trùng với lịch kiểm tra của trường ở hai ngày 27/4 và 28/4 nên các môn kiểm tra trong hai ngày này của lớp 12P1, 12P2 sẽ được đổi qua kiểm tra theo lịch sau:

THỨ NGÀY	BUỔI	MÔN	THỜI LƯỢNG	GIỜ KIỂM TRA	GIỜ PHÁT ĐỀ
Thứ 7 06/5/2023	Sáng	Tin	50 phút	07g30	07g25
		GDCD	50 phút	08g50	08g45
Thứ 2 08/5/2023	Chiều	Sinh	50 phút	13g30	13g25

BAN GIÁM HIỆU



TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

DANH SÁCH THÍ SINH KIỂM TRA HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ

Môn Tiếng Pháp và Toán bằng tiếng Pháp

Ngày 27/4/2023

STT	Phòng	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh
1	HT A (1)	Trương Nam Anh	Nam	29/09/2005	12P01	120052
2	HT A (1)	Bùi Phương Anh	Nữ	23/04/2005	12P01	120053
3	HT A (1)	Phạm Nguyễn Phương Anh	Nữ	29/12/2005	12P01	120054
4	HT A (1)	Tô Nguyễn Gia Bảo	Nam	13/08/2005	12P01	120057
5	HT A (1)	Lê Quốc Bảo	Nam	04/12/2005	12P01	120059
6	HT A (1)	Tăng Sơn Bình	Nam	28/01/2005	12P01	120060
7	HT A (1)	Phạm Quang Dũng	Nam	01/02/2005	12P01	120062
8	HT A (1)	Đặng Quý Hoàng	Nam	17/04/2005	12P01	120065
9	HT A (1)	Phạm Việt Hoàng	Nam	19/09/2005	12P01	120066
10	HT A (1)	Nguyễn Lê Quế Hương	Nữ	31/01/2005	12P01	120150
11	HT A (1)	Vũ Hoàng Diệu Linh	Nữ	15/04/2005	12P01	120152
12	HT A (1)	Bùi Quốc Long	Nam	03/01/2005	12P01	120153
13	HT A (1)	Trần Khánh Minh	Nam	14/04/2005	12P01	120155
14	HT A (1)	Nguyễn Hải My	Nữ	12/10/2005	12P01	120156
15	HT A (1)	Lê Nguyễn Phương Ngân	Nữ	05/10/2005	12P01	120157
16	HT A (1)	Võ Hoàng Bảo Nghi	Nữ	19/07/2005	12P01	120158
17	HT A (1)	Đồng Phước Tường Nghi	Nữ	04/03/2005	12P01	120159
18	HT A (1)	Thân Hoàng Bảo Ngọc	Nữ	08/06/2005	12P01	120160
19	HT A (1)	Đặng Lê Bảo Ngọc	Nữ	25/08/2005	12P01	120161
20	HT A (1)	Nguyễn Ngọc Xuân Nguyên	Nữ	21/10/2005	12P01	120162
21	HT A (1)	Phạm Đình Tuyết Nhi	Nữ	13/03/2005	12P01	120165
22	HT A (1)	Nguyễn Tấn Phát	Nam	08/02/2005	12P01	120166
23	HT A (1)	Lâm Y Phụng	Nữ	01/03/2005	12P01	120167
24	HT A (1)	Trần Thanh Phương	Nữ	31/08/2005	12P01	120376
25	HT A (1)	Cao Hoàng Sơn	Nam	12/08/2005	12P01	120377
26	HT A (1)	Nguyễn Chí Thiện	Nam	06/04/2005	12P01	120381
27	HT A (1)	Bùi Võ Anh Thư	Nữ	05/03/2005	12P01	120383
28	HT A (1)	Lê Phương Anh Thy	Nữ	26/03/2005	12P01	120384
29	HT A (1)	Phạm Thanh Tú	Nữ	16/10/2005	12P01	120388
30	HT A (1)	Huỳnh Minh Xuân	Nữ	14/01/2005	12P01	120395
31	HT A (1)	Nguyễn Hồng Kim Yến	Nữ	14/04/2005	12P01	120396



TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

DANH SÁCH THÍ SINH KIỂM TRA HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ

Môn Tiếng Pháp và Toán bằng tiếng Pháp

Ngày 27/4/2023

STT	Phòng	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh
1	HT A (2)	Phạm Nguyễn Duy Anh	Nam	05/05/2005	12P02	120049
2	HT A (2)	Nguyễn Đăng Minh Anh	Nữ	26/12/2005	12P02	120050
3	HT A (2)	Hàn Minh Anh	Nữ	04/10/2005	12P02	120051
4	HT A (2)	Trần Hoàng Vân Anh	Nữ	19/05/2005	12P02	120055
5	HT A (2)	Nguyễn Thùy Vân Anh	Nữ	06/01/2005	12P02	120056
6	HT A (2)	Châu Vũ Gia Bảo	Nam	28/03/2005	12P02	120058
7	HT A (2)	Huỳnh Ngọc Bảo Châu	Nữ	17/11/2005	12P02	120061
8	HT A (2)	Phan Thành Đạt	Nam	30/12/2004	12P02	120063
9	HT A (2)	Nguyễn Gia Hân	Nữ	06/04/2005	12P02	120064
10	HT A (2)	Ông Đại Hùng	Nam	02/11/2005	12P02	120067
11	HT A (2)	Quang Bảo Gia Huy	Nam	17/03/2005	12P02	120068
12	HT A (2)	Phạm Gia Huy	Nam	16/02/2005	12P02	120147
13	HT A (2)	Nguyễn Minh Huy	Nam	30/04/2005	12P02	120148
14	HT A (2)	Diệp Quang Huy	Nam	23/04/2005	12P02	120149
15	HT A (2)	Nguyễn Hồng Thanh Khương	Nam	10/08/2005	12P02	120151
16	HT A (2)	Phạm Ngọc Mẫn	Nam	19/07/2005	12P02	120154
17	HT A (2)	Nguyễn Hoàn Nhân	Nam	07/04/2005	12P02	120163
18	HT A (2)	Lê Thành Nhân	Nam	25/08/2005	12P02	120164
19	HT A (2)	Đoàn Hoàng Sơn	Nam	11/05/2005	12P02	120378
20	HT A (2)	Nguyễn Hồng Diệp Thanh	Nữ	14/12/2005	12P02	120379
21	HT A (2)	Lê Nhật Thành	Nam	18/06/2005	12P02	120380
22	HT A (2)	Dương Phạm Minh Thiện	Nam	19/05/2005	12P02	120382
23	HT A (2)	Phan Vũ Hạnh Tiên	Nữ	25/05/2005	12P02	120385
24	HT A (2)	Đỗ Trọng Tín	Nam	16/02/2005	12P02	120386
25	HT A (2)	Trần Thị Ngọc Trâm	Nữ	28/03/2005	12P02	120387
26	HT A (2)	Trương Trần Minh Tuyết	Nữ	25/05/2005	12P02	120389
27	HT A (2)	Huỳnh Thị Thảo Vi	Nữ	15/12/2005	12P02	120390
28	HT A (2)	Tô Nguyễn Hoàn Vũ	Nam	26/02/2005	12P02	120391
29	HT A (2)	Nguyễn Quốc Vương	Nam	16/07/2005	12P02	120392
30	HT A (2)	Nguyễn Hà Vy	Nữ	05/10/2005	12P02	120393
31	HT A (2)	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Nữ	05/09/2005	12P02	120394



TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

DANH SÁCH THÍ SINH KIỂM TRA HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ TIẾNG PHÁP

Môn Tiếng Pháp (bài kiểm tra nói)
Ngày 28/4/2023

BUỔI SÁNG

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Giờ HS có mặt
1	Trương Nam	Anh	Nam	29/09/2005	12P01	120052	Học sinh có mặt lúc 07g30 tại HT A
2	Bùi Phương	Anh	Nữ	23/04/2005	12P01	120053	
3	Phạm Nguyễn Phương	Anh	Nữ	29/12/2005	12P01	120054	
4	Tô Nguyễn Gia	Bảo	Nam	13/08/2005	12P01	120057	
5	Lê Quốc	Bảo	Nam	04/12/2005	12P01	120059	
6	Tăng Sơn	Bình	Nam	28/01/2005	12P01	120060	
7	Phạm Quang	Dũng	Nam	01/02/2005	12P01	120062	
8	Đặng Quý	Hoàng	Nam	17/04/2005	12P01	120065	
9	Phạm Việt	Hoàng	Nam	19/09/2005	12P01	120066	
10	Nguyễn Lê Quế	Hương	Nữ	31/01/2005	12P01	120150	
11	Vũ Hoàng Diệu	Linh	Nữ	15/04/2005	12P01	120152	
12	Bùi Quốc	Long	Nam	03/01/2005	12P01	120153	
13	Trần Khánh	Minh	Nam	14/04/2005	12P01	120155	
14	Nguyễn Hải	My	Nữ	12/10/2005	12P01	120156	
15	Lê Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	05/10/2005	12P01	120157	
16	Võ Hoàng Bảo	Nghi	Nữ	19/07/2005	12P01	120158	
17	Đồng Phước Tường	Nghi	Nữ	04/03/2005	12P01	120159	
18	Thân Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	08/06/2005	12P01	120160	
19	Đặng Lê Bảo	Ngọc	Nữ	25/08/2005	12P01	120161	
20	Nguyễn Ngọc Xuân	Nguyên	Nữ	21/10/2005	12P01	120162	
21	Phạm Đình Tuyết	Nhi	Nữ	13/03/2005	12P01	120165	Học sinh có mặt lúc 09g00 tại HT A
22	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	08/02/2005	12P01	120166	
23	Lâm Y	Phụng	Nữ	01/03/2005	12P01	120167	
24	Trần Thanh	Phương	Nữ	31/08/2005	12P01	120376	
25	Cao Hoàng	Sơn	Nam	12/08/2005	12P01	120377	
26	Nguyễn Chí	Thiện	Nam	06/04/2005	12P01	120381	
27	Bùi Võ Anh	Thư	Nữ	05/03/2005	12P01	120383	
28	Lê Phương Anh	Thy	Nữ	26/03/2005	12P01	120384	
29	Phạm Thanh	Tú	Nữ	16/10/2005	12P01	120388	
30	Huỳnh Minh	Xuân	Nữ	14/01/2005	12P01	120395	
31	Nguyễn Hồng Kim	Yến	Nữ	14/04/2005	12P01	120396	
32	Phạm Nguyễn Duy	Anh	Nam	05/05/2005	12P02	120049	
33	Nguyễn Đặng Minh	Anh	Nữ	26/12/2005	12P02	120050	
34	Hàn Minh	Anh	Nữ	04/10/2005	12P02	120051	
35	Trần Hoàng Vân	Anh	Nữ	19/05/2005	12P02	120055	
36	Nguyễn Thùy Vân	Anh	Nữ	06/01/2005	12P02	120056	



TRƯỜNG THPT NGUYỄN THỊ MINH KHAI

DANH SÁCH THÍ SINH KIỂM TRA HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2022 - 2023
CHƯƠNG TRÌNH SONG NGỮ TIẾNG PHÁP

Môn Tiếng Pháp (bài kiểm tra nói)
Ngày 28/4/2023

BUỔI CHIỀU

STT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Lớp	Số báo danh	Giờ HS có mặt
1	Châu Vũ Gia	Bảo	Nam	28/03/2005	12P02	120058	Học sinh có mặt lúc 13g00 tại HT A
2	Huỳnh Ngọc Bảo	Châu	Nữ	17/11/2005	12P02	120061	
3	Phan Thành	Đạt	Nam	30/12/2004	12P02	120063	
4	Nguyễn Gia	Hân	Nữ	06/04/2005	12P02	120064	
5	Ông Đại	Hùng	Nam	02/11/2005	12P02	120067	
6	Quang Bảo Gia	Huy	Nam	17/03/2005	12P02	120068	
7	Phạm Gia	Huy	Nam	16/02/2005	12P02	120147	
8	Nguyễn Minh	Huy	Nam	30/04/2005	12P02	120148	
9	Diệp Quang	Huy	Nam	23/04/2005	12P02	120149	
10	Nguyễn Hồng Thanh	Khương	Nam	10/08/2005	12P02	120151	
11	Phạm Ngọc	Mẫn	Nam	19/07/2005	12P02	120154	
12	Nguyễn Hoàn	Nhân	Nam	07/04/2005	12P02	120163	
13	Lê Thành	Nhân	Nam	25/08/2005	12P02	120164	
14	Đoàn Hoàng	Sơn	Nam	11/05/2005	12P02	120378	
15	Nguyễn Hồng Diệp	Thanh	Nữ	14/12/2005	12P02	120379	
16	Lê Nhật	Thành	Nam	18/06/2005	12P02	120380	Học sinh có mặt lúc 14g00 tại HT A
17	Dương Phạm Minh	Thiện	Nam	19/05/2005	12P02	120382	
18	Phan Vũ Hạnh	Tiên	Nữ	25/05/2005	12P02	120385	
19	Đỗ Trọng	Tín	Nam	16/02/2005	12P02	120386	
20	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	28/03/2005	12P02	120387	
21	Trương Trần Minh	Tuyết	Nữ	25/05/2005	12P02	120389	
22	Huỳnh Thị Thảo	Vĩ	Nữ	15/12/2005	12P02	120390	
23	Tô Nguyễn Hoàn	Vũ	Nam	26/02/2005	12P02	120391	
24	Nguyễn Quốc	Vương	Nam	16/07/2005	12P02	120392	
25	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	05/10/2005	12P02	120393	
26	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	Nữ	05/09/2005	12P02	120394	